

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Công văn số 15/2025/CV đề ngày 14/04/2025 của Công ty TNHH Hoàng Việt giải trình về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hoàng Việt” tại số 42 đường Phạm Hùng, phường Tân An, tỉnh Đăk Lăk và hồ sơ bổ sung ngày 17/6/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 202/TTr-SNNMT ngày 19/6/2025 và Văn bản số 76/SNNMT-BVMT ngày 08/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hoàng Việt, địa chỉ số 42 đường Phạm Hùng, phường Tân An, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo

vệ môi trường của cơ sở “Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hoàng Việt” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hoàng Việt.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 42 đường Phạm Hùng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 6000429431 do Phòng đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký lần đầu ngày 11/10/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14/01/2020.

1.4. Mã số thuế: 6000429431.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Giáo dục.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

- Diện tích: 107.290 m² (Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 800019 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/3/2014). Trong đó:

+ Diện tích công trình chính là 19.716 m²; bao gồm: Nhà hành chính (A1), Nhà lớp học (A2-1, A2-2, A2-3, A2-4), Nhà học kỹ năng (A3), Trường tiểu học (G), Ký túc xá nam, nữ (E1, E2), Nhà ăn, nhà bếp (F), Khu bể bơi (C), Nhà đa năng (C1), Nhà kỹ thuật (D), Nhà tuyển sinh, căn tin (H), Nhà bảo vệ;

+ Diện tích công trình hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường là 87.574 m²; bao gồm: Đường giao thông nội bộ, Kho chất thải nguy hại, Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải, Hệ thống xử lý nước thải, Sân chơi + sân thể dục thể thao, Cây xanh, mặt nước, Vườn thực nghiệm, Sân thể thao, Hàng rào.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hoàng Việt

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hoàng Việt có trách nhiệm

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
 - TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
 - UBND phường Tân An;
 - Công ty TNHH Hoàng Việt;
- (Đ/c: 42 đường Phạm Hùng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk)
- Lưu: VT, NNMT (Nh. 08b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của Nhà hành chính (Khối A1);
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của Nhà lớp học (Khối A2-1, A2-3);
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của Nhà lớp học (Khối A2-2, A2-4);
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của Khối nhà học kỹ năng (Khối A3);
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của Khu nhà đa năng (Khối C1)
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của Nhà kỹ thuật (Khối D).
- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của Nhà ký túc xá nam và nữ (Khối E1, E2);
- Nguồn số 08: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của Khu nhà ăn + bếp (Khối F);
- Nguồn số 09: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của Khối tiểu học (Khối G);
- Nguồn số 10: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của Nhà tuyển sinh, căn tin (Khối H);
- Nguồn số 11: Nước thải phát sinh từ khu chế biến tại căn tin (Khối H);
- Nguồn số 12: Nước thải phát sinh từ quá trình nấu ăn tại khu nhà ăn, bếp (Khối F);
- Nguồn số 13: Nước thải phát sinh từ quá trình sơ chế thức ăn tại khu sơ chế (Khối G).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày.đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước mưa nằm trên tuyến đường Phạm Hùng, thuộc địa phận phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk (theo Công văn số 3464/UBND-QLĐT ngày 08/07/2024 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc thỏa thuận vị trí đầu nối hệ thống thoát nước thải sau xử lý của Trường TH, THCS, THPT Hoàng Việt).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải sau xử lý: Tại hồ gas thu nước mưa hiện hữu thuộc hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung trên tuyến đường Phạm Hùng, thuộc địa phận phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X = 0453139; Y = 1405544.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải:

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $250 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $10,42 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

- Lưu lượng xả nước thải trung bình: $121 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $5,04 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm về hồ thu gom, thoát nước mưa chung nằm trên tuyến đường Phạm Hùng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ)

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, (Cột A; K= 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng quy định	Không thuộc đối tượng quy định
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, Công ty TNHH Hoàng Việt có trách nhiệm áp dụng QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (theo quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

Khuyến khích Công ty TNHH Hoàng Việt thực hiện quan trắc định kỳ đối với các thông số ô nhiễm tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh tại các khối nhà (Nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10): được thu gom theo đường ống PVC D114mm dẫn về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ. Sau đó nước thải được dẫn theo hệ thống ống dẫn PVC D168mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quy định.

- Nước thải từ hoạt động chế biến thực phẩm, nấu ăn và hoạt động sơ chế rau củ quả, thực phẩm tươi sống tại cơ sở (nguồn số 11, 12, 13): được thu gom qua song chắn rác, sau đó theo đường ống dẫn PVC D114mm về bể tách dầu mỡ. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ được thu gom theo tuyến ống dẫn PVC D168mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn

- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ khu vực các nhà vệ sinh) → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 250 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế: Gồm 20 bể, thể tích mỗi bể là 20 m³; kết cấu: xây bằng gạch, chống thấm hai lớp bên trong.

- Vị trí: Các bể tự hoại được xây dựng phía dưới các khu nhà gồm: Nhà hành chính khối A1 (02 bể); nhà lớp học khối A2-1, A2-3 (02 bể); nhà lớp học khối A2-2, A2-4 (02 bể); khối nhà học kỹ năng khối A3 (02 bể); khu nhà đa năng khối C1 (02 bể); nhà kỹ thuật khối D (02 bể); nhà ký túc xá nam và nữ khối E1, E2 (02 bể); khu nhà ăn +bếp khối F (02 bể); khối tiểu học khối G (03 bể); nhà tuyển sinh + căn tin (01 bể).

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ quá trình sơ chế thực phẩm và nấu ăn) → Ngăn chứa → Ngăn tách mỡ (có bố trí vách ngăn để tách mỡ) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 250 m³/ngày.đêm.

- Dung tích thiết kế: Gồm 04 bể, thể tích mỗi bể là 7,0 m³; kết cấu: xây bằng gạch, chống thấm hai lớp bên trong.

- Vị trí: Nhà tuyển sinh + căn tin khối H (01 bể); khu nhà ăn + bếp (02 bể); khối tiểu học khối G (01 bể).

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Công suất thiết kế: 250 m³/ngày.đêm.

- Quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn và bể tách mỡ) → Thiết bị tách rác → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng (Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K = 1,0) → Hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung nằm trên tuyến đường Phạm Hùng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk (theo Công văn số 3464/UBND-QLĐT ngày 08/07/2024 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc thỏa thuận vị trí đầu nối nước thải sau xử lý của Trường TH, THCS, THPT Hoàng Việt).

- Các hạng mục công trình của Bể thu gom (thể tích $18,43 \text{ m}^3$), Bể điều hòa (thể tích $128,98 \text{ m}^3$), Bể thiếu khí Anoxic (thể tích $82,91 \text{ m}^3$), Bể sinh học hiếu khí (thể tích $73,70 \text{ m}^3$), Bể Aerotank (thể tích $110,55 \text{ m}^3$), Bể lắng sinh học (thể tích $53,6 \text{ m}^3$), Bể trung gian (thể tích $22,11 \text{ m}^3$), Bể khử trùng (thể tích $17,42 \text{ m}^3$). Bố trí 01 Bể chứa bùn (thể tích $31,16 \text{ m}^3$) để lưu chứa bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải.

- Kết cấu các bể xử lý: Xây dựng bằng bê tông cốt thép, chống thấm theo đúng quy định.

- Hóa chất sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương để đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và trang bị đầy đủ các thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước, hố thu gom để tránh tình trạng tắc nghẽn gây ngập úng khi có mưa lớn.

- Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút bùn tại bể tự hoại và bể chứa bùn thải theo quy định.

- Bố trí nhân viên vận hành các hệ thống xử lý nước thải được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, ứng phó sự cố.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành khắc phục, sửa chữa, không xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đảm bảo tiêu chuẩn ra môi trường. Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, nước thải được bơm về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí .

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Tại đầu ra sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Hoàng Việt phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Việc quan trắc nước thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường theo quy định.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý, thoát nước thải và các biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải.

3.6. Công ty TNHH Hoàng Việt chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động nấu ăn tại Khu vực nhà ăn + bếp (Khối F);
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ khu vực căn tin (Khối H);
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng (công suất 350KVA);

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tọa độ phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

- Nguồn số 01: X = 453355; Y = 1405841;
- Nguồn số 02: X = 453092; Y = 1405789;
- Nguồn số 03: X = 453346; Y = 1405870.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ cho quá trình sơ chế nguyên liệu và nấu ăn tại bếp nấu, đảm bảo máy móc hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Bố trí các máy móc, thiết bị tại các vị trí hợp lý, không để các máy móc gây tiếng ồn lớn ở gần nhau để tránh quá trình hoạt động cùng một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn.

- Bố trí hệ thống cây xanh trong khuôn viên cơ sở và cây xanh xung quanh hàng rào đảm bảo theo quy hoạch xây dựng và theo quy định của pháp luật để giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu nhằm bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị, đảm bảo các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị khi xuống cấp có phát sinh tiếng ồn lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	03
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	06
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	06
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	24
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	03
Tổng khối lượng			52

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở bao gồm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao bì ni lông, hộp nhựa, vỏ chai, bìa carton...), chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, rau, củ, quả...) và chất thải rắn sinh hoạt khác (găng tay cao su, đồ bằng gốm, sứ, thủy tinh bị vỡ...). Tổng khối lượng phát sinh khoảng 4.420 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):**

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí các thùng chứa có nắp đậy kín (loại 30 lít và 120 lít); có dán nhãn theo quy định.

2.1.2. *Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại*

- Diện tích kho lưu chứa: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao quanh và mái che, nền bê tông chống thấm; có bố trí các thiết bị phòng cháy chữa cháy và dán biển cảnh báo nguy hại theo quy định.

2.1.3. *Biện pháp xử lý*

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Hiện nay đang hợp đồng với Công ty TNHH TM&XD An Sinh để thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định với tần suất là 01 lần/năm (*Theo hợp đồng dịch vụ số 280-ASTN/HĐKT-CTNH/2024 ngày 01/07/2024*).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa*

Bố trí các thùng chứa (loại 60 lít và 120 lít, có nắp đậy kín) tại các đường nội bộ trong khuôn viên cơ sở, khu vực nhà ăn, bếp và căn tin để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Cuối mỗi ngày, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về khu vực lưu chứa tạm thời.

2.2.2. *Khu vực lưu chứa*

Bố trí khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực phía Đông Nam của trường (tiếp giáp với nhà kỹ thuật). Bên trong bố trí 03 thùng chứa loại 500 lít để lưu chứa tạm thời chất thải trước khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

2.2.3. *Biện pháp xử lý*

Hợp đồng với đơn vị dịch vụ về vệ sinh môi trường tại địa phương để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Hiện nay, cơ sở đang hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Đông Phương để thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt với tần suất thu gom là 1 lần/ngày.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; bố trí vị trí các công trình, thiết bị đảm bảo khoảng cách an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của chính quyền địa phương và chuyển giao toàn bộ chất thải phát sinh cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hoàng Việt có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sản xuất phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý chặt chẽ để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước của khu vực theo quy định pháp luật.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm và phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này

có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.